

Bản án số: 20/2022/DSST

Ngày: 28-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thịnh và bà Phan Thị Đóa

- Thư ký phiên Tòa: Bà Phan Lệ Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 28/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964; có mặt.

Nơi cư trú: Xóm G, xã QM, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật BCPacific.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Địa chỉ: NTT 29, số 82, đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Chị Ngô Thị Kiều O, sinh năm 1997; có mặt

Địa chỉ: Số 82, đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

- Ông Bùi Văn H, sinh năm 1959; vắng mặt

- Bà Hồ Thị N, sinh năm 1958; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn HĐ, xã QN, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 20/5/2022, bản tự khai ngày 08/8/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 14/6/2012 ông có cho vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), hai bên đã ký Giấy vay tiền. Để đảm bảo cho khoản vay được trả nợ đúng hạn, ông H và bà N đã tự nguyện đưa cho ông giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng số I135322 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 08/3/1997 của thửa đất số 260, tờ bản đồ số 5 tại thôn HĐ, xã QN mang tên Bùi Văn H; nếu quá thời hạn trả nợ vợ chồng ông H, bà N hứa chuyển nhượng quyền sử dụng trên cho ông. Ông đã giao đầy đủ số tiền 170.000.000đ. Giấy vay được lập tại UBND xã QN, có sự chứng kiến của anh Bùi Văn H là con trai ông H, bà N, có xác nhận của chính quyền địa phương. Hai bên thỏa thuận vay không lãi suất, thời hạn trả số tiền cuối cùng là ngày 24/12/2012. Quá trình vay nợ, bà N mới trả được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Quá thời hạn trả nợ ông H, bà N không thực hiện cam kết. Do tin tưởng nên ông đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng đến nay bà N, ông H cố tình trốn tránh, không nghe điện thoại, xuống nhà thì không chịu gặp. Ông K yêu cầu trả vợ chồng bà phải trả cho ông K số tiền 298.100.000đ, trong đó tiền gốc 150.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/6/2012 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/6/2012 đến ngày 09/5/2022 là 3605 ngày, lãi suất 10%/năm là 148.100.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm nghìn đồng), yêu cầu bà N, ông H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và các thủ tục liên quan tới đăng ký chuyển nhượng đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ 5 tại thôn Hòa Đông, xã Quỳnh Nghĩa cho ông K. Tại phiên tòa, ông K rút yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rút phần yêu cầu về lãi suất và chỉ yêu cầu bà Hồ Thị N và ông Bùi Văn H phải trả cho ông số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn chị Ngô Thị Kiều O thống nhất các nội dung như trình bày của ông K, không trình bày bổ sung.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2022 bị đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Vợ chồng có vay của ông K nhiều lần, từ nhiều năm, tổng cộng hơn 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) tiền lãi và tiền gốc, số tiền cụ thể lâu rồi bà không nhớ. Vợ chồng bà đã trả 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Số tiền còn lại giữa vợ

chồng bà và ông K chót nợ với nhau số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng bà có đưa cho ông K giữ bìa đất đứng tên Bùi Văn H. Vợ chồng bà có ký vào giấy vay tiền. Hẹn ngày 24/6/2012 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại 120.000.000đ sẽ trả dần mỗi tháng 20.000.000đ vào ngày 24 hàng tháng cho đến khi hết, không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi viết giấy chót nợ, vợ chồng bà vẫn đều đặn trả cho ông K 20.000.000đ. Khi trả do tin tưởng nhau nên không viết giấy tờ gì, khi trả cũng không yêu cầu ông K viết giấy. Do 10 năm rồi nên bà cũng không nhớ là đã trả được bao nhiêu tiền, còn lại bao nhiêu tiền. Khoảng 1 năm sau ông K đã trả lại cho vợ chồng bà bìa đất. Từ khi vay cho đến nay ông K chưa lần nào yêu cầu vợ chồng bà trả nợ, chỉ cách đây hơn 1 tháng ông K có gọi cho bà yêu cầu trả nợ. Từ trước đến nay bà nghĩ là trả gần xong rồi nên ông K mới trả lại bìa đất cho bà. Nếu bà chưa trả hết thì ông K phải đòi bà nhiều lần nhưng tính đến nay là gần 10 năm mới thấy ông K đòi. Ông K yêu cầu trả vợ chồng bà phải trả cho ông K số tiền 298.100.000đ, trong đó tiền gốc 150.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/6/2012 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/6/2012 đến ngày 09/5/2022 là 3605 ngày, lãi suất 10%/năm là 148.100.000đ, yêu cầu ông bà thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và các thủ tục liên quan tới đăng ký chuyển nhượng đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ 5 tại thôn HĐ, xã QN cho ông K, bà không đồng ý với yêu cầu trên. Bà không biết hiện nay bà còn nợ của ông K bao nhiêu tiền. Hiện nay sức khỏe của vợ chồng bà không tốt, không có khoản thu nhập nào khác ngoài khoản trợ cấp 700.000đ/tháng của Nhà nước. Sức khỏe của bà không tốt, tuổi già, nhiều bệnh tật, phải đi điều trị tại bệnh viện nhiều lần nên bà đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2022 người làm chứng anh Bùi Văn H trình bày:

Anh là con của ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N. Bố mẹ anh là người trực tiếp vay tiền của ông K, số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) để bổ sung vốn làm ăn. Khi vay bố mẹ anh đưa ông K giữ bìa đất của gia đình anh, sau đó hơn 1 năm thì ông K trả lại. Chữ ký và chữ viết Bùi Văn Huy trong giấy vay tiền ngày 14/6/2012 là chữ viết, chữ ký của anh. Anh ký vào đó để làm chứng việc vay nợ. Anh không trực tiếp sử dụng số tiền vay, bố mẹ anh là người trực tiếp sử dụng. Do quá trình làm ăn gặp khó khăn nên sau khi vay mới trả cho ông K được một ít, số tiền trả cụ thể anh không nắm rõ vì bố mẹ anh là người trực tiếp trả cho ông K. Nay bố mẹ anh sức khỏe yếu, không có khả năng lao động, nguyên đơn yêu cầu ông H, bà N phải trả cho

ông K số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất, gia đình anh sẽ thu xếp trả dần cho ông K.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Bùi Văn H, ông H vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản gửi ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Hồ Thị N chấp hành pháp luật không đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Bùi Văn H không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất không yêu cầu nên không xem xét, và buộc ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[2] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N có nơi cư trú tại: Thôn HĐ, xã QN, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình tranh tụng tại

phiên tòa có đủ cơ sở để xác định:

Tại hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K cung cấp 01 giấy viết tay ngày 14/6/2012. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn bà Hồ Thị N, người làm chứng anh Bùi Văn H đều thừa nhận ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N có vay của ông Nguyễn Văn K số tiền 170.000.000đ, giấy vay tiền có chữ viết, chữ ký của bên cho vay và bên vay, có xác nhận của UBND xã QN. Khi vay không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ đến ngày 24/12/2012. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận, khi thực hiện giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong giấy viết tay ngày 14/6/2012 không có thỏa thuận về lãi suất, có ghi thời hạn trả nợ, các bên cũng thừa nhận khi vay không có lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự 2005.

Bị đơn bà N khai sau khi viết giấy vay tiền ngày 14/6/2012 vợ chồng bà nhiều lần trả tiền cho ông K, hiện bà nghĩ là đã trả hết tiền nợ cho ông K. Tuy nhiên bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc trả nợ. Bà cũng không biết đã trả cho ông K bao nhiêu và hiện nay còn nợ bao nhiêu tiền. Do đó có cơ sở xác định, bà N, ông H chỉ mới trả 20.000.000đ cho ông K, vợ chồng ông H và bà N còn nợ ông K số tiền 150.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện ông K có yêu cầu bà N, ông H phải trả tiền lãi suất và yêu cầu bà N, ông H phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 260, tờ bản đồ 5 tại thôn HĐ, xã QN cho ông K nhưng tại phiên tòa ông K xin rút các yêu cầu này nên đình chỉ phần các yêu cầu khởi kiện này.

Nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đ, không yêu cầu lãi suất là phù hợp quy định tại Điều 474, 478 BLDS năm 2005 nên được chấp nhận.

[4] Do vậy, đủ cơ sở kết luận để buộc ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền vay còn lại là 150.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/6/2012.

[5] Về án phí: Ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K số tiền 7.450.000đ.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự 2005, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

2.1. Buộc ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 14/6/2012.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải trả tiền lãi suất và yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 260, tờ bản đồ 5 tại thôn Hòa Đông, xã Quỳnh Nghĩa, tỉnh Nghệ An cho ông K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Văn H và bà Hồ Thị N. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007855 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

Trần Ngọc Hà